

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục tăng hơn 45 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,861.58 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dầu khí dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Bảo hiểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX, HNX và bán ròng trên sàn UPCOM. Thị trường tiếp tục được dẫn dắt bởi nhóm cổ phiếu Vin. Trong giai đoạn này, VN-Index cần sự ủng hộ của thị trường chung hơn nữa để xác lập một đà tăng vững chắc.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 07/01/2026, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+45.31** điểm, đóng cửa tại **1861.58** điểm. HNX-Index **+2.88** điểm, đóng cửa tại **249.4** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+10.01)**, **VHM (+7.07)**, **VCB (+4.24)**, **BID (+3.21)**, **GAS (+3.12)**.
- Kéo chỉ số giảm: **STB (-1.24)**, **VPL (-0.89)**, **GEE (-0.34)**, **VJC (-0.32)**, **VPX (-0.14)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **29,771** tỷ đồng, tăng **19.53%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 32,948 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 42.41 điểm. Thị trường có **256** mã tăng, 42 mã tham chiếu, **79** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **522.59** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (286.60 tỷ)**, **HPG (220.23 tỷ)**, **VIC (175.00 tỷ)**, **MBB (164.46 tỷ)**, **VPB (147.83 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **25.01** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.82%**. Các mã diễn biến tích cực:
BSR (+6.85%) [\(Link báo cáo\)](#)
VHM (+5.43%) [\(Link báo cáo\)](#)
BID (+5.27%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+2.65%**. Các mã diễn biến tích cực:
PLX (+6.97%) [\(Link báo cáo\)](#)
GVR (+6.90%)
VTP (+6.90%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.82%	2.65%	2.49%	1.98%
1 tuần	1.35%	-0.20%	4.32%	3.26%
1 tháng	1.77%	-2.64%	6.15%	5.69%
3 tháng	-1.08%	-7.73%	8.45%	8.03%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,861.58	249.40	121.04
% 1D	2.49%	1.17%	0.75%
GTKL (tỷ VND)	29,771	1,385	636
%1D	19.53%	-17.57%	-2.62%
GDNN (tỷ VND)	522.59	25.01	-95.25

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	286.60	STB	-1140.12
HPG	220.23	VHM	-171.76
VIC	175.00	KDH	-53.38
MBB	164.46	BCM	-48.52
VPB	147.83	MCH	-41.12

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

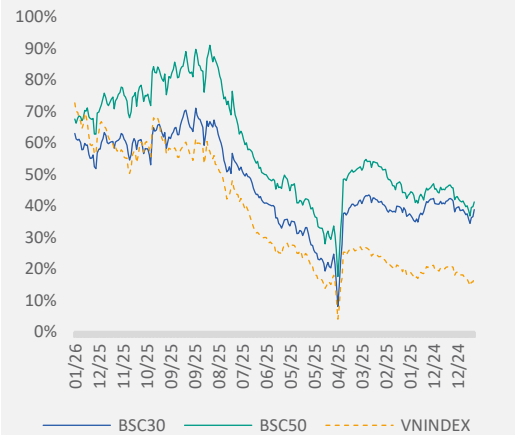
		%D	%W
SPX	6,945	0.62%	0.57%
FTSE100	10,071	-0.51%	1.31%
Eurostoxx	5,920	-0.30%	2.92%
Shanghai	4,086	0.05%	3.04%
Nikkei	51,962	-1.06%	2.46%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	60.28	-0.50%
Giá vàng	4,469	3.00%
Tỷ giá		
USD/VND	26,378	
EUR/VND	31,513	-0.18%
JPY/VND	172	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	
LS LNH 1M	8.2%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

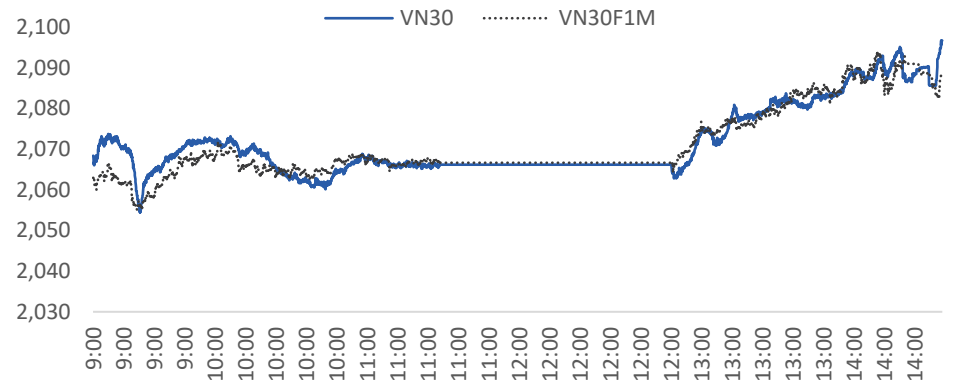
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	2088.20	1.27%	262,808	-9.7%	15/01/2026	8
41I1G6000	2082.20	1.57%	63	-28.4%	18/06/2026	162
41I1G1000	2088.20	1.27%	262,808	-9.7%	15/01/2026	8
41I1G3000	2088.90	1.67%	77	0.00%	19/03/2026	71

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +40.80 điểm, đóng cửa tại 2096.76 điểm. Biên độ dao động 42.31 điểm. Các cổ phiếu như FPT, VHM, VIC, HPG, ACB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 duy trì được sắc xanh từ khi mở cửa với thanh khoản nằm trên đường MA20. Chiến lược là long/short linh hoạt với phái sinh. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVRE2525	16/10/2026	282	397,700	49.62%	48.00	2,420	36.7%	0.64	57.68	38.55	38.55
CFPT2525	25/03/2026	77	213,100	10.95%	101.94	630	26.0%	0.36	108.17	97.50	97.50
CVPB2511	12/01/2026	5	143,500	-2.48%	18.01	5,400	23.0%	5.78	28.53	29.25	29.25
CACB2502	26/03/2026	78	253,000	4.68%	23.40	1,440	18.0%	1.25	25.80	24.65	24.65
CFPT2526	25/06/2026	169	99,800	23.74%	114.11	660	17.9%	0.28	120.65	97.50	97.50
CLPB2509	25/06/2026	169	92,400	42.74%	56.33	470	17.5%	0.13	60.09	42.10	42.10
CMSN2510	23/02/2026	47	135,900	10.71%	83.40	340	17.2%	0.22	86.80	78.40	78.40
CFPT2523	25/03/2026	77	186,800	23.13%	116.59	140	16.7%	0.02	120.05	97.50	97.50
CFPT2530	9/02/2026	33	92,100	17.65%	113.32	280	16.7%	0.03	114.71	97.50	97.50
CVHM2525	26/05/2026	139	27,800	0.07%	107.00	7,100	16.2%	7.50	149.60	149.50	149.50
CFPT2521	23/06/2026	167	193,500	31.48%	121.24	370	15.6%	0.08	128.20	97.50	97.50
CFPT2527	9/03/2026	61	1,356,700	4.70%	89.17	1,630	15.6%	1.29	102.08	97.50	97.50
CHPG2537	9/03/2026	61	407,900	10.75%	27.60	930	14.8%	0.57	29.46	26.60	26.60
CACB2513	9/03/2026	61	631,800	8.48%	25.00	870	14.5%	0.51	26.74	24.65	24.65
CFPT2518	23/09/2026	259	1,151,600	20.61%	105.89	1,360	14.3%	0.83	117.60	97.50	97.50
CFPT2524	25/06/2026	169	36,200	30.63%	117.47	400	14.3%	0.09	127.36	97.50	97.50
CHPG2534	25/06/2026	169	225,000	24.18%	31.11	480	14.3%	0.28	33.03	26.60	26.60
CFPT2531	11/05/2026	124	19,800	22.13%	113.32	970	14.1%	0.33	119.08	97.50	97.50
CHPG2529	25/05/2026	138	535,900	15.38%	28.05	660	13.8%	0.45	30.69	26.60	26.60
CHPG2531	23/06/2026	167	16,600	20.45%	29.00	760	13.4%	0.43	32.04	26.60	26.60

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ***:

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 07/01/2026, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.
 - CVRE2525 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 36.72%. CSTB2521 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.18%.
 - CVHM2521, CDGC2501, CFPT2503, CSSB2509, CVPB2524 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2511, CVHM2510, CVHM2512, CVHM2511 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	179.00	3.41%	10.01	7.73
VHM	149.50	5.43%	7.07	4.11
VCB	59.60	4.01%	4.24	8.36
BID	40.95	5.27%	3.21	7.02
GAS	88.50	6.88%	3.12	2.41

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	131.30	9.97%	1.48	0.20
IDC	38.90	6.58%	0.55	0.38
DTK	12.90	7.50%	0.37	0.68
KSF	68.00	1.04%	0.36	0.90
SHS	19.40	3.19%	0.31	0.90

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PMG	8.41	7.00%	0.01	0.04
PLX	41.45	6.97%	0.80	15.16
MDG	30.75	6.96%	0.00	0.02
TDP	27.70	6.95%	0.05	0.27
FUEIP100	12.82	6.92%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	131.30	9.97%	10.84	0.04
VMS	33.50	9.84%	0.12	0.00
BKC	22.90	9.57%	0.21	0.06
MVB	17.30	9.49%	0.71	0.03
PVG	7.00	9.38%	0.11	0.64

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
STB	53.40	-5.82%	-1.24	1.89
VPL	100.50	-2.33%	-0.89	1.79
GEE	226.50	-1.95%	-0.34	0.37
VJC	209.60	-1.23%	-0.32	0.59
VPX	28.35	-1.22%	-0.14	1.88

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NVB	13.50	-0.74%	-0.11	1.92
VIF	15.50	-3.13%	-0.10	0.35
BAB	12.40	-0.80%	-0.06	1.00
PMC	161.00	-5.29%	-0.04	0.01
PGS	53.90	-2.00%	-0.03	0.05

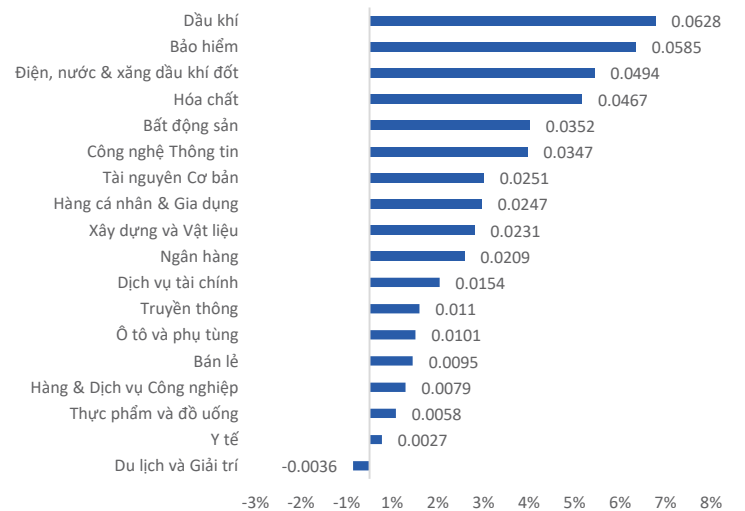
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TNT	8.65	-6.79%	-0.01	0.06
HRC	28.15	-6.79%	-0.01	0.00
DAT	11.20	-6.67%	-0.01	0.03
VDP	50.50	-6.48%	-0.02	0.00
CLW	40.70	-6.00%	-0.01	0.00

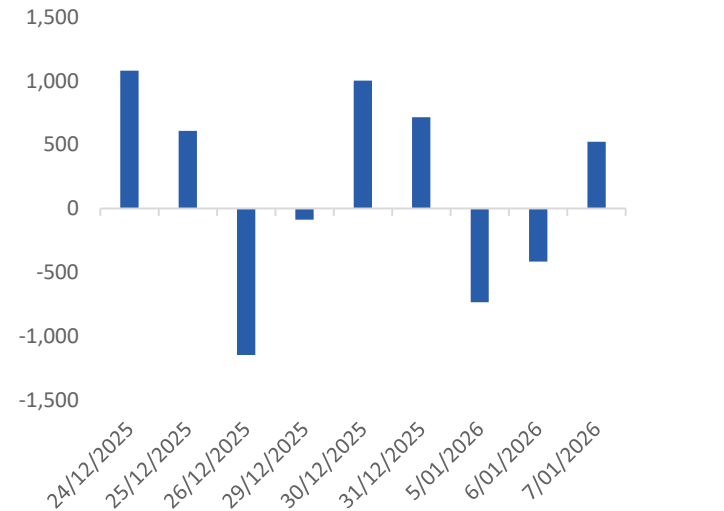
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
STC	13.70	-9.27%	-0.03	0.01
HTC	30.90	-8.31%	-0.18	0.00
VCC	9.20	-8.00%	-0.07	0.01
VBC	19.40	-7.62%	-0.05	0.00
PPP	18.40	-7.54%	-0.05	0.01

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	89.8	1.1%	1.1	130,399	1008.4	3,957	22.4	106,000	47.3%	Link
KBC	Bất động sản	35.8	2.4%	1.2	32,914	164.2	1,872	18.7	46,000	10.4%	Link
KDH	Bất động sản	31.4	-1.6%	1.1	35,743	163.4	857	37.1	39,900	28.4%	Link
PDR	Bất động sản	18.8	0.8%	1.3	18,609	163.6	211	88.5	28,200	8.5%	Link
VHM	Bất động sản	149.5	5.4%	1.6	582,431	1516.8	6,133	23.1	119,600	8.8%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	97.5	3.7%	0.8	160,130	1153.9	5,280	17.8	118,700	39.1%	Link
BSR	Dầu khí	18.0	6.9%	0.0	84,123	552.3	413		23,200	1.0%	Link
PVS	Dầu khí	36.0	0.6%	1.3	18,309	305.7	2,841	12.6	42,800	14.1%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.3	2.3%	1.1	23,489	132.8	1,331	16.3		34.0%	
SSI	Dịch vụ tài chính	30.1	1.5%	1.0	73,861	763.4	1,850	16.0		33.1%	
VCI	Dịch vụ tài chính	34.7	1.9%	0.9	28,903	204.1	1,572	21.6		17.3%	
DCM	Hóa chất	34.0	1.8%	1.2	17,682	85.5	3,578	9.3	47,300	3.7%	Link
DGC	Hóa chất	64.1	1.8%	0.8	23,926	207.0	8,296	7.6	109,300	6.3%	Link
ACB	Ngân hàng	24.7	2.7%	0.8	123,280	563.6	3,385	7.1	28,400	28.6%	Link
BID	Ngân hàng	41.0	5.3%	0.9	273,131	545.9	3,781	10.3	49,500	17.1%	Link
CTG	Ngân hàng	37.5	3.5%	0.9	281,163	823.9	4,292	8.4	53,500	25.7%	Link
HDB	Ngân hàng	29.1	0.2%	1.2	145,403	663.1	3,014	9.6	34,400	23.3%	Link
MBB	Ngân hàng	26.7	0.2%	1.0	214,666	923.7	3,017	8.8	29,300	21.4%	Link
MSB	Ngân hàng	12.6	1.6%	1.0	38,688	100.9	1,729	7.2	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	53.4	-5.8%	0.7	106,892	2911.5	6,519	8.7		15.2%	
TCB	Ngân hàng	36.4	1.1%	1.1	255,105	812.7	3,111	11.6	41,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.5	2.4%	1.1	47,297	457.3	2,358	7.2	-	25.0%	Link
VCB	Ngân hàng	59.6	4.0%	0.6	478,780	775.5	4,202	13.6	73,200	21.1%	Link
VIB	Ngân hàng	18.1	1.7%	0.8	60,421	156.9	2,225	8.0	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	29.3	1.4%	1.2	228,894	1006.7	2,603	11.1	35,650	24.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.6	2.5%	0.9	199,178	1017.6	1,876	13.8	33,170	19.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.9	2.9%	0.9	9,563	40.8	1,184	13.0	19,800	4.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	26.9	0.6%	0.9	10,276	130.0	4,150	6.4	28,800	1.9%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	78.4	1.8%	1.1	111,335	1241.9	2,196	35.1	98,300	22.7%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	60.9	0.2%	0.5	127,069	197.3	4,160	14.6	64,500	50.6%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	43.0	1.78%	1.2	9,333	97.5	2,409	17.5	21.9%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	152.6	0.13%	1.0	25,954	158.4	3,620	42.1	32.5%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	65.5	6.85%	1.2	45,504	116.4	3,578	17.1	26.8%	11.3%	
DIG	Bất động sản	17.2	0.88%	1.1	13,539	111.3	519	32.8	3.2%	4.4%	
DXG	Bất động sản	16.8	0.60%	1.2	18,521	181.8	398	41.9	25.8%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	22.0	1.15%	0.9	4,345	53.3	2,445	8.9	2.7%	25.2%	
HDG	Bất động sản	26.8	3.08%	1.3	9,619	75.2	938	27.7	20.4%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	38.9	6.58%	1.3	13,852	174.7	4,849	7.5	11.4%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	30.7	0.49%	1.1	14,795	61.6	2,192	13.9	44.0%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	54.3	3.63%	1.2	12,687	23.1	5,474	9.6	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	30.3	2.20%	1.0	5,328	26.2	1,763	16.8	2.6%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	17.6	2.03%	1.4	15,734	92.1	801	21.6	12.1%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	179.0	3.41%	1.4	1,333,914	1408.6	1,147	150.9	3.0%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	38.6	1.31%	1.6	86,462	524.8	2,144	17.8	13.9%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	36.0	3.00%	1.0	7,400	13.2	1,848	18.9	38.2%	13.2%	Link
PLX	Dầu khí	41.5	6.97%	0.8	49,235	619.6	2,090	18.5	14.7%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	30.0	1.35%	1.1	16,454	345.0	1,602	18.5	10.9%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	32.7	1.40%	1.1	11,157	32.6	1,262	25.5	24.9%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.0	1.17%	1.8	16,929	97.0	1,657	15.5	3.0%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	88.5	6.88%	0.9	199,792	368.2	5,014	16.5	2.1%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.6	6.67%	0.9	39,115	326.5	677	18.8	4.8%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.0	1.31%	0.6	33,149	39.5	4,776	12.8	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	209.6	-1.23%	0.6	125,540	350.6	2,897	73.3	7.5%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	42.3	0.60%	0.9	37,901	292.9	2,313	18.2	9.0%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	62.7	3.81%	0.9	25,760	170.7	3,495	17.3	41.6%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.1	2.25%	0.5	9,760	89.8	6,185	9.3	7.1%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.5	6.77%	0.9	9,023	248.0	2,090	9.2	9.9%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	102.2	6.90%	0.0	11,642	159.6	3,139	30.5	4.6%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	102.6	3.95%	0.8	33,671	128.3	6,911	14.3	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	26.5	1.15%	0.9	2,930	51.2	2,535	10.3	48.5%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.6	1.09%	1.4	2,369	12.8	2,856	6.4	16.3%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	23.5	2.63%	1.0	15,536	133.9	1,212	18.9	3.7%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	29.5	6.90%	1.6	110,200	399.5	1,569	17.6	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	21.8	2.59%	1.0	39,490	216.8	1,635	13.0	2.9%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	42.1	0.96%	0.8	124,570	53.5	3,469	12.0	0.9%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.4	1.41%	0.0	24,363	16.0	2,337	6.1	1.6%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.0	1.27%	0.9	31,557	15.8	1,460	8.1	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.0	3.81%	0.8	6,467	66.7	571	25.3	5.0%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	25.7	0.98%	1.1	6,763	19.9	2,829	9.0	4.1%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	37.5	1.08%	0.5	11,279	123.8	1,715	21.6	3.6%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	48.5	2.00%	0.7	60,986	96.4	3,373	14.1	58.5%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	57.0	2.33%	1.0	12,502	219.4	6,944	8.0	19.3%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	177.2	2.13%	0.1	14,203	19.1	14,639	11.9	85.2%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	72.5	-2.03%	1.1	7,881	61.1	6,245	11.9	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	89.1	4.82%	1.1	9,723	86.1	5,128	16.6	5.0%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	37.7	2.87%	0.9	3,689	19.2	3,037	12.1	5.6%	15.0%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.8	2.00%	1.1	6,840	52.5	1,102	11.4	10.4%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	25.1	2.24%	1.1	10,076	145.1	1,377	17.8	13.1%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.5	1.35%	0.9	14,319	84.0	6,148	3.6	4.3%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	44.0	4.76%	1.1	18,831	69.9	3,090	13.6	2.5%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
3	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
4	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
5	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
7	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
15	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
16	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
17	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>